

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG
Năm báo cáo: 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200600741 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 09/09/2022
- Vốn điều lệ: 30.120.400.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.120.400.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 3 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 02253821832
- Số fax: 02253540272
- Website: hpc.vn
- Mã cổ phiếu: BXH

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng tiền thân là Xí nghiệp Bao bì Xi măng Hải Phòng (thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng). Công ty là đơn vị đi đầu trong chương trình chuyển đổi sản xuất của Công ty Xi măng Hải Phòng theo chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐCP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc “chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần” và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định 64/2002 của các Bộ, ngành có liên quan; Căn cứ Quyết định số



908/XMVN-HĐQT ngày 10/6/2002 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Sau một thời gian khẩn trương tiến hành các thủ tục, Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2004 theo Quyết định số 1222/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

Ngày 07 tháng 01 năm 2008 Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng. Năm 2009 Công ty tiến hành đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đến ngày 25/11/2009 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Các sự kiện khác.

1.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- . Sản xuất và kinh doanh vỏ bao bì xi măng và các loại vỏ bao bì khác;
- . Cho thuê văn phòng, kho, bến, bãi;
- . Các ngành nghề khác theo Đăng ký kinh doanh.

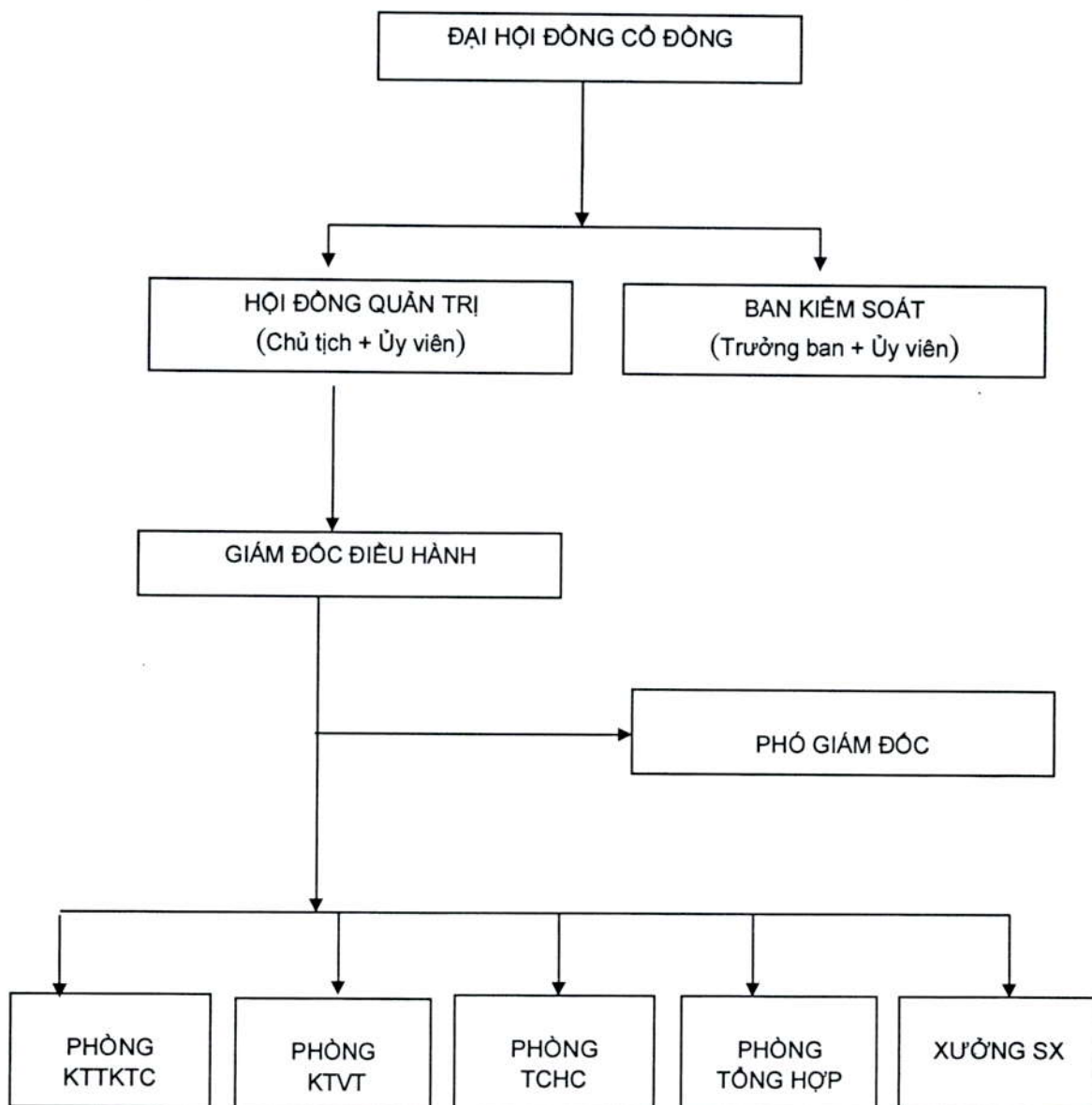
1.2. Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- . Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng;
- . Công ty cổ phần xi măng Diên Biện;
- . Công ty cổ phần xi măng Hạ Long;
- . Công ty TNHH Nguyên liệu Omanco Việt Nam
- . Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

Cơ cấu bộ máy quản lý.



Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

1.4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mở rộng thị trường tiêu thụ vô bao, nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

1.5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

I. Tình hình hoạt động trong năm

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

Tình hình thực hiện năm 2023 so với thực hiện năm 2022:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% (tăng (+); giảm (-))
Sản lượng sản xuất (cái vỏ bao)	42.622.031	42.982.977	+100,84
Sản lượng tiêu thụ (cái vỏ bao)	42.631.220	43.458.386	+101,94

- Năm 2023, với sự nỗ lực chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty đã luôn bám sát và tìm kiếm khai thác thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng nội địa và vỏ bao xi măng cho đơn vị xuất khẩu.

- Máy móc thiết bị qua nhiều năm sử dụng ngày càng bộc lộ hư hỏng, sản xuất nhiều khi không đáp ứng được tiến độ đặc biệt là thị trường xuất khẩu với nhiều chủng loại sản phẩm đa dạng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% (tăng (+); giảm (-))
Sản lượng sản xuất (cái vỏ bao)	38.000.000	42.982.977	+113,11
Sản lượng tiêu thụ (cái vỏ bao)	38.000.000	43.458.386	+114,36

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Hồng Anh Việt	Giám đốc	9.050	0,30
2. Nguyễn Thị Thu	Phó Giám đốc	3.950	0,13
3. Hà Thúy Mai	Kế toán trưởng	3.400	0,11

Những thay đổi trong ban điều hành:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
-----------	-----------	-----------------------	----------

2. Số lượng cán bộ, nhân viên: 205 lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): Không có

Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không có

1. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	108.269	113.940	+105,23
Doanh thu thuần	214.861	219.159	+102,00
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.564	260,2	-16,63
Lợi nhuận khác	445	1.310	+294,38
Lợi nhuận trước thuế	2.010	1.570	+78,10
Lợi nhuận sau thuế	1.555	1.203	+77,36
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	2,5%	-83,33

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,9	1,85	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,51	1,42	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

+ Hệ số: Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,48	0,51	
+ Hệ số: Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	0,94	1,06	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,98	1,90	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,72	0,55	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,79	2,17	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,43	1,05	
+ Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,93	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần lưu hành trong năm: 3.012.040 cổ phần.

b, Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

- Cổ đông nhà nước: 1.475.450 cổ phần, bằng 48,99%

- Cổ đông là cá nhân: 1.536.590 cổ phần, bằng 51,01%

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e, Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (+) giảm(-)
Tổng doanh thu	216.152	219.159	+101,39
Lợi nhuận trước thuế	2.010	1.570	-78,10
Lợi nhuận sau thuế	1.555	1.203	-77,36
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)			
Nộp ngân sách	6.385	6.581	+103,06
Lao động bình quân (người)	220	205	-93,18
Tiền lương bình quân (trđ/tháng)	8,8	11,519	+130,89

Năm 2023 Công ty đã thực hiện sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đề ra:

+ Giám sát chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư phù hợp để đảm bảo chất lượng hàng hoá và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b, Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm(-)
Nợ phải thu (triệu đồng)	72.756	74.978	+103,05
- Phải thu của khách hàng	71.900	73.082	+101,64

- Phải thu khác	856	1.896	+221,49
Nợ phải trả (triệu đồng)	52.614	58.639	+111,45
- Vay ngân hàng	6.001	9.253	+154,19
- Phải trả khách hàng	41.735	40.479	-96,99
- Phải trả khác	4.878	8.907	+182,59

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

a, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Nguyễn Thị Kim Chi	Chủ tịch HĐQT	0	0
2. Hồng Anh Việt	Ủy viên	9.050	0.300
3. Đặng Thị Thanh Hữu	Ủy viên	0	0
4. Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	74.400	2,470
5. Trương Thanh Hoàn	Thành viên độc lập HĐQT	0	0

b, Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị: Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/NQ-HĐQT	18/02/2023	Nghị quyết về việc Thông qua kết quả thực hiện SXKD quý I/2023
2	05/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về việc Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
3	08/NQ-HĐQT	28/2/2023	Nghị quyết phân phối quỹ lương 2022
4	09/NQ-HĐQT	28/2/2023	Nghị quyết phân phối lợi nhuận năm 2022; biên bản chấp thuận Kế hoạch SXKD năm 2023.
5	11/NQ-HĐQT	04/4/2023	Quyết định thành lập ban tổ chức ĐHCĐ 2023

6	13/QĐ-HĐQT	04/4/2023	Quyết định về việc Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp ĐHCĐ thường niên 2023.
7	15/NQ-HĐQT	05/4/2023	Quyết định ban hành quy chế quản lý cán bộ
8	16/NQ-HĐQT	05/4/2023	Quyết định ban hành quy chế quản lý mua sắm
9	17/QĐ-HĐQT	05/4/2023	Quyết định ban hành quy chế mối quan hệ ba bên
10	22/NQ-HĐQT	08/4/2023	Nghị quyết ban hành quy chế tài chính
11	26/NQ-HĐQT	21/4/2023	Quyết định ban hành quy chế ATVSLĐ
12	27/NQ-HĐQT	21/4/2023	Quyết định ban hành quy chế tiền lương
13	28/QĐ-HĐQT	21/4/2023	Quyết định ban hành quy chế mua sắm hàng hóa
14	50/QĐ-HĐQT	26/4/2023	Quyết định ban hành sửa đổi điều lệ
15	51/NQ-HĐQT	26/04/2023	Quyết định ban hành sửa đổi quy chế quản trị nội bộ
16	57/NQ-HĐQT	29/07/2023	Nghị quyết phiên họp HĐQT quý 4/23
17	58/NQ-HĐQT	29/07/2023	Quyết định điều chỉnh tiền lương Giám đốc
18	59/NQ-HĐQT	29/07/2023	Quyết định bổ nhiệm lại Thư ký Công ty
19	60/NQ-HĐQT	29/07/2023	Quyết định bổ nhiệm người quản trị Công ty
20	63/NQ-HĐQT	08/08/2023	Quyết định ban hành quy chế Công bố thông tin
21	65/NQ-HĐQT	22/08/2023	Nghị quyết HĐQT v/v ngày đăng ký cuối cùng họp ĐHCĐ thường niên
22	69/NQ-HĐQT	16/10/2023	Nghị quyết v/v kết quả quy hoạch cán bộ giai đoạn 2023-2028
23	77/NQ-HĐQT	21/10/2023	Nghị quyết HĐQT quý 4/2023

d, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

1. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Nguyễn Bích Huệ	Trưởng ban	0	0
2. Phạm Thị Thúy	Ủy viên	1.700	0,056
3. Nguyễn Kim Anh	Ủy viên	0	0

Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

Ngày bắt đầu hoạt động: từ ngày 25/04/2023, số buổi họp tham dự là 04 buổi, tỷ lệ tham gia dự họp là 100%.

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều 34 của Điều lệ Công ty.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị Công ty:

Công tác hạch toán, kế toán tài chính theo quy định

Kiểm tra quy chế tiền lương, tiền thưởng

Kiểm tra quy chế quản lý tài chính

Quy chế mua sắm vật tư

- Xem xét và báo cáo Hội đồng quản trị về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ban Điều hành Công ty

- BKS thông báo cho HĐQT về những hoạt động không bình thường của Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc chưa tuân thủ với quy định về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Hoạt động khác của BKS: Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hiện hành của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban KS

a, Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ):

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1. Nguyễn Thị Kim Chi	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	72.000.000	77.000.000
2. Hồng Anh Việt	Ủy viên - Giám đốc	432.000.000	48.000.000	480.000.000

3. Đặng Thị Thanh Hữu	Ủy viên	80.608.600	48.000.000	128.608.600
4. Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	5.000.000	48.000.000	53.000.000
5. Trương Thanh Hoàn	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 25/04/2023	5.000.000	32.000.000	37.000.000
6. Đào Thị Thu Hòa	TBKS - Miễn nhiệm ngày 25/04/2023	72.337.800	0	72.337.800
7. Nguyễn Bích Huệ	TBKS - Bổ nhiệm ngày 25/04/2023	5.000.000	32.000.000	37.000.000
9. Phạm Thị Thúy	Ủy viên BKS	140.557.900	24.000.000	164.557.900
10. Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên BKS	5.000.000	36.000.000	41.000.000

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

S TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1							

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

I. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2023 được chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo

cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



(Handwritten signature)

Hồng Anh Việt

